TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – H phúc**

Bản án số: 39/2017/DS-ST
Ngày: 13/7/2017
V/v: "Tranh chấp nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Thiện

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc "*Tranh chấp nợ hụi*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXX-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị TG**, sinh năm 1981

Trú tại: phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn:

1/ Bà **Nguyễn Mỹ H**, sinh năm 1972

2/ Ông **Nguyễn Ngọc C**, sinh năm 1971

Cùng trú tại: phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

(*Chị TG có mặt, bà H và ông C vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa:

Theo nguyên đơn Nguyễn Thị TG:

Vào năm 2015 chị TG tham gia nhiều dây hụi của bà Nguyễn Mỹ H, địa chỉ tại phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre làm chủ cụ thể như sau:

1/ Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/02/2015 hụi có 24 phần, chị TG tham gia 03 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 22 phần hụi sống, tiền gốc là 42.200.000 đồng.

2/ Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 10/01/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, chị TG đóng được 23 phần hụi sống, tiền gốc là 100.000.000 đồng.

3/ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 25/02/2016 hụi có 24 phần, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, chị TG đóng được 22 phần hụi sống, tiền gốc là 54.220.000 đồng.

4/ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/6/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 04 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 10 và ngày 25 hàng tháng, chị TG đóng được 14 phần hụi sống, tiền gốc là 63.100.000 đồng.

5/ Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 25/6/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 06 phần hụi sống, tiền gốc là 11.200.000 đồng.

6/ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/7/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, chị TG đóng được 09 phần hụi sống, tiền gốc là 27.700.000 đồng.

7/ Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 20/7/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 06 phần hụi sống, tiền gốc là 21.340.000 đồng.

8/ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 20/8/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 20 và ngày 05 hàng tháng, chị TG đóng được 08 phần hụi sống, tiền gốc là 19.440.000 đồng.

9/ Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/9/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 03 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 16 phần hụi sống, tiền gốc là 31.200.000 đồng.

10/ Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/9/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 03 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, chị TG đóng được 07 phần hụi sống, tiền gốc là 26.200.000 đồng.

11/ Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/10/2016, chị TG tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 15 phần hụi sống, tiền gốc là 9.200.000 đồng.

12/ Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 15/11/2016, hụi có 24 phần, chị TG tham gia 04 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, chị TG đóng được 03 phần hụi sống, tiền gốc là 17.140.000 đồng.

Tổng cộng bà H còn nợ chị TG tiền hụi là 427.000.000 đồng.

Vào ngày 20/12/2016 bà H tuyên bố ngừng hụi và đồng ý hoàn lại tiền gốc cho các hụi viên, đến ngày 25/12/2016 bà H viết giấy nợ hụi cho chị TG.

Nay chị TG yêu cầu bà H cùng chồng là ông Nguyễn Ngọc C phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị TG số tiền hụi là 427.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi số tiền hụi nêu trên.

Theo bị đơn Nguyễn Mỹ H:

Bà H vắng mặt không tham gia tố tụng nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 04/5/2017, ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Bà H thừa nhận bà đã tổ chức chơi hụi, khui hụi tại nhà được 20 mấy năm, các biên nhận nợ mà hụi viên đã khởi kiện tại Tòa án là tiền hụi gốc do các hụi viên đã đóng cho bà H không có tiền lời của hụi. Bà H đồng ý trả tiền nợ hụi cho các hụi viên nhưng giờ bà H không có tiền đợi khi bán được nhà bà H sẽ trả tiền hụi còn nợ cho các hụi viên. Bà H tổ chức chơi hụi có tiền đầu thảo, bà H dùng tiền đầu thảo để lo cho gia đình, đóng hụi cho người khác, đóng lãi cho các khoản vay.Việc bà H tổ chức chơi hụi ông Nguyễn Ngọc C chồng bà H có biết nhưng việc góp hụi, giao hụi là do bà H làm, ông C chồng bà không có liên quan gì nên bà H không đồng ý ông C cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ hụi với bà H.

Theo bị đơn Nguyễn Ngọc C:

Ông C vắng mặt, không tham gia tố tụng nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 23/3/2017 như sau: Ông C chỉ biết việc bà H tổ chức chơi hụi và khui hụi tại nhà chứ ông C không biết đến tiền hụi mà bà H làm chủ, ông C làm nghề tài xế lái xe đường dài thường xuyên vắng nhà nên ông C không biết bà H thiếu cụ thể bao nhiêu tiền hụi và tiền vay. Vì là nợ của vợ chồng nên ông C nên ông C đồng ý cùng vợ là bà H chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị TG. Do ông C thường đi làm ăn xa nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành đúng pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp nợ hụi*" là có cơ sở. Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào biên nhận nợ hụi ngày 25/12/2016 và biên bản làm việc ngày 04/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thì bà H thừa nhận còn nợ chị TG số tiền hụi là 427.000.000 đồng. Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn TG.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp nợ hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Mỹ H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng, bị đơn Nguyễn Ngọc C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên được chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị TG: Tại phiên tòa chị TG vẫn giữ quan điểm khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị TG số tiền hụi mà chị TG đã đóng hụi là 427.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chị TG cho rằng vào năm 2015 bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ hụi các dây hụi sau:

Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 25/02/2015, chị TG tham gia 03 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 22 phần hụi sống, tiền gốc là 12.200.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 01/01/2016, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 23 phần hụi sống, tiền gốc là 100.000.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 25/02/2016, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 22 phần hụi sống, tiền gốc là 54.220.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 10/6/2016, chị TG tham gia 04 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 14 phần hụi sống, tiền gốc là 63.100.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 25/6/2016, chị TG tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 06 phần hụi sống, tiền gốc là 11.200.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/7/2016, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 09 phần hụi sống, tiền gốc là 27.700.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 20/7/2016, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 06 phần hụi sống, tiền gốc là 21.340.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 20/8/2016, chị TG tham gia 02 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 08 phần hụi sống, tiền gốc là 19.440.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/9/2016, chị TG tham gia 03 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 16 phần hụi sống, tiền gốc là 31.200.000 đồng.

Dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 15/9/2016, chị TG tham gia 03 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 07 phần hụi sống, tiền gốc là 26.200.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 01/10/2016, chị TG tham gia 01 phần, mỗi tháng khui 01 lần, chị TG đóng được 15 phần hụi sống, tiền gốc là 9.200.000 đồng.

Dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 15/11/2016, chị TG tham gia 04 phần, mỗi tháng khui 02 lần, chị TG đóng được 03 phần hụi sống, tiền gốc là 17.140.000 đồng.

Tổng cộng bà H còn nợ chị TG tiền hụi là 427.000.000 đồng

Bà Nguyễn Mỹ H vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc, bà H thừa nhận nợ hụi và đồng ý trả nợ cho các hụi viên trong đó có chị TG nên đây là chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn TG. Chị TG đã cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy nhận nợ hụi ngày 25/12/2016, có chữ ký của bà H, nội dung biên nhận

nợ đã thể hiện bà H còn nợ chị TG số tiền hụi sống mà chị TG đã đóng là 427.000.000 đồng.

Do bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ hụi cho chị TG nên yêu cầu khởi kiện của chị TG là có căn cứ chấp nhận cũng phù hợp với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[4] Về trách nhiệm liên đới:

Ông C cho rằng ông biết việc bà H tổ chức chơi hụi và khui hụi tại nhà, tại biên bản làm việc ngày 23/3/2017 ông C thừa nhận đây là nợ chung và ông C đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà H nên ghi nhận.

Bà H cho rằng ông C biết việc bà H tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi nhưng bà H không đồng ý ông C cùng chịu trách nhiệm đối với số nợ này là không có căn cứ chấp nhận.

Vì rằng bà H đã tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi tại nhà đến nay được hai mươi mấy năm, việc làm chủ hụi có thu tiền đầu thảo, số tiền thu được từ việc tổ chức chơi hụi bà H sử dụng vào việc lo cho gia đình, đóng hụi cho người khác, đóng lãi cho các khoản vay. Ông C tuy không trực tiếp tổ chức chơi hụi, làm chủ hụi nhưng giữa ông C và bà H đang tồn tại hôn nhân hợp pháp, bà H và ông C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường PK, thành phố Bến Tre vào ngày 19/4/2002. Vì vậy cần buộc ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả số tiền nợ hụi cho chị TG là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân gia đình 2015 nhận cũng phù hợp với lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5] Ghi nhận việc chị TG không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị TG được chấp nhận nên bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + 1.080.000 đồng = 21.080.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền hụi của nguyên đơn chị Nguyễn Thị TG đối với bị đơn bà Nguyễn Mỹ H và bị đơn ông Nguyễn Ngọc C.

Buộc bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Nguyễn Thị TG số tiền nợ hụi là 427.000.000 (*bốn trăm mươi bảy triệu*) đồng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị TG không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn Thị TG nếu bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C phải chịu trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 21.080.000 (*hai mươi mốt triệu, không trăm tám mươi ngàn*) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn trả 10.540.000 (*mười triệu, năm trăm bốn mươi ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị TG theo biên lai thu số 0010759 ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị TG có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS

Nguyễn Thị Thanh Thảo